TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/**2023/HNGĐ-ST.
Ngày 13 - 7 - 2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Trung Kiên

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị V; sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, Hiện trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Đào Văn K; sinh năm 1994; Nơi cư trú: Xóm L (Xóm 7 cũ), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị V có đơn xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị V trình bày:

Chị và anh Đào Văn K có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ ngày 15/02/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày

20/03/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn với anh Đào Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đào Anh T, sinh ngày 17/02/2021. Hiện con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/06/2023, tại biên bản lấy lời khai ông Đào Văn Cảnh (bố đẻ của anh Đào Văn K) trình bày: Chị V có thông báo với gia đình ông việc chị V và anh K không thể chung sống được với nhau. Vợ chồng anh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào năm 2020. Quá trình chung sống, vợ chồng anh K có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Chị V đã bỏ nhà đi khoảng 02 năm nay. Chị V chỉ thỉnh thoảng về tham gia lễ tại gia đình. Hiện tại anh K đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và về gia đình. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V thì anh K đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng anh K có 01 con chung như chị V trình bày. Hiện con chung đang ở với chị V.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh K, chị V mới cưới nhau nên không có tài sản chung. Về công nợ chung của vợ chồng anh K thì ông không nắm rõ. Vợ chồng anh K chị V không có đóng góp tài sản gì và cũng không vay nợ gì gia đình ông. Hiện tại chị V đã mang hết đồ dùng, quần áo và tài sản riêng của chị V. Gia đình ông không còn quản lý tài sản nào của chị V nữa.

Ông sẽ thông báo cho anh K được biết việc Toà án có đến gia đình để làm việc. Đối với các văn bản mà Toà án gửi về cho anh K thì ông nhận trách nhiệm nhận và thông báo nội dung văn bản cho anh K được biết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 228. 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị V, anh K mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56,

Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị V.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Đào Anh T, sinh ngày 17/02/2021. Chấp nhận yêu cầu về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị V, buộc anh Đào Văn K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị V và anh Đào Văn K có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 02 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị V có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập cho anh K được biết nhưng anh K cố tình vắng mặt không có lý do.

Ngày 06/06/2023, tại biên bản lấy lời khai ông Đào Văn Cảnh (bố đẻ của anh Đào Văn K) trình bày: Chị V có thông báo với gia đình ông việc chị V và anh K không thể chung sống được với nhau. Vợ chồng anh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2020. Quá trình chung sống, vợ chồng anh K có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Chị V đã bỏ nhà đi khoảng 02 năm nay. Chị V chỉ thi thoảng về tham gia lễ tại gia đình ông. Hiện tại anh K đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và về gia đình Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V thì

anh K đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V và anh K đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh K đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị V xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Anh T, sinh ngày 17/02/2021. Hiện con chung đang ở với chị V.

Sau khi ly hôn, chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật.

Anh K trong quá trình chuẩn bị xét không có quan điểm gì về việc nuôi dưỡng con chung.

HĐXX xét thấy: Hiện tại con chung của chị V, anh K đang dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Nên cần thiết giao con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu của chị V về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Buộc anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động được.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Anh K có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, khoản nợ chung, con chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đào Văn K.

2. Con chung: Giao cho chị Trần Thị V trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Đào Anh T, sinh ngày 17/02/2021. Buộc anh Đào Văn K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng mỗi tháng kể từ tháng 07/2023 đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động được

3. Án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002270 ngày 26/04/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị V đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đào Văn K phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà